

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Kon Plông đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông tại Tờ trình số 234/TTr-UBND ngày 11/10/2013 về việc phê duyệt dự án "*Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum đến năm 2020. định hướng đến năm 2025*"; ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1759/SKHĐT-TH ngày 15/10/2013 (*kèm theo đề nghị của Hội đồng thẩm định số 12/BCTĐ-HĐTĐ ngày 29/11/2012 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kon Plông đến năm 2020, định hướng đến năm 2025*),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kon Plông đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Khai thác tối đa và phát huy có hiệu quả các nguồn nội lực và ngoại lực nhằm đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế - xã hội một cách toàn diện, nâng cao nhịp độ và chất lượng tăng trưởng trong từng ngành, từng lĩnh vực của huyện; đưa Kon Plông nhanh chóng trở thành địa bàn trọng điểm của tỉnh Kon Tum.

2. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng du lịch, dịch vụ và công nghiệp. Khai thác lợi thế về vị trí địa lý, khí hậu và đa dạng sinh học nhằm tập trung phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng.

3. Gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là công tác giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

4. Phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ tài nguyên rừng, khai thác hợp lý các tiềm năng thiên nhiên.

5. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh, ổn định chính trị - xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng huyện Kon Plông sớm trở thành vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, khu du lịch sinh thái của vùng Tây Nguyên và của cả nước; có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển du lịch - dịch vụ, nông - lâm - thủy sản và công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; từng bước cải thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái và trật tự an toàn xã hội; xây dựng nền quốc phòng - an ninh vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Mục tiêu kinh tế

- Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng GTGT giai đoạn 2011-2015 là 21%/năm và 20%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

- Tỷ trọng của từng lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế đến năm 2015 lần lượt là 33,62%, 44,57% và 21,81%; đến năm 2020 là 23,2%, 44,2% và 32,6%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 khoảng 26 triệu đồng/người; năm 2020 khoảng 53,5 triệu đồng/người.

2.2- Mục tiêu xã hội:

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, giai đoạn 2011-2015 còn 1,6%/năm và giai đoạn 2016-2020 còn khoảng 1,2%/năm.

- Phần đầu đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 30%, trong đó đào tạo nghề đạt khoảng 20-25%; đến năm 2020 lao động qua đào tạo đạt 50%, trong đó đào tạo nghề từ 35-40%.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và tăng cường cơ sở vật chất cho mạng lưới y tế. Phần đầu đến năm 2015, có 5 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020; 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã vào năm 2020.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn dưới 20% vào năm 2015.

- 100% thôn được phủ sóng truyền hình; 80% thôn được phủ sóng điện thoại; 100% thôn có đội công chiêng văn hóa vào năm 2015. Đến năm 2020, 90% thôn phủ sóng điện thoại; 100% thôn có nhà văn hóa, thể thao.

- Phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn khoảng 20%, bình quân hàng năm giảm 9%-10%; đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 10%.

- Có 02 xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới vào năm 2015 và từ 3 - 4 xã đạt tiêu chuẩn này vào năm 2020.

2.3- Mục tiêu về môi trường

- Giữ vững và củng cố môi trường cảnh quan của các vùng sinh thái đặc thù của huyện. Phấn đấu 100% số xã, thị trấn có quy hoạch chôn lấp, xử lý rác, chất thải đúng theo quy hoạch vào năm 2020.

- Phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ hộ dân có hố xí hợp vệ sinh đạt 30%.

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng ở mức 83%.

- Nâng tỷ lệ dân số được dùng nước hợp vệ sinh lên 95% vào năm 2015 và đạt 100% vào năm 2020.

- Xây dựng quy chế xử phạt đối với các hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường. Điều tra thống kê các nguồn xả thải và áp dụng công nghệ xử lý chất thải trong ngành du lịch.

III. CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

(1) Tập trung hoàn chỉnh và hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình lớn, các trục giao thông chính của huyện.

(2) Phát triển mạnh các loại hình du lịch, dịch vụ; xây dựng hạ tầng các cụm, điểm công nghiệp; đầu tư vào nhóm ngành là thế mạnh của địa phương như thủy điện, công nghiệp chế biến nông lâm sản, tiểu thủ công nghiệp. Đẩy nhanh triển khai các dự án phát triển làng nghề truyền thống; phát triển rau, hoa, quả xứ lạnh, các loại thủy đặc sản...

(3) Phát triển các sản phẩm chủ lực có thế mạnh của địa phương theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, lấy chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội làm nền tảng; gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch, liên kết chặt chẽ với thị trường tiêu thụ để chiếm lĩnh và mở rộng thị trường. Áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nhằm tăng khả năng cạnh tranh.

(4) Đẩy nhanh quá trình đô thị hoá, quy hoạch và từng bước xây dựng cơ sở vật chất để hình thành thị trấn trung tâm huyện lỵ, thị tứ và các trung tâm cụm xã.

(5) Phát triển mạnh các hình thức đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của đô thị du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng; giải quyết việc làm và vấn đề giảm nghèo.

(6) Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ, có chế độ đãi ngộ phù hợp để tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thu hút mạnh đầu tư từ bên ngoài vào địa bàn huyện.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC CHỦ YẾU

1. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

- Phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng ở mức 23,2%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 20,9%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

- Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng phát huy thế mạnh, tiềm năng sẵn có của huyện; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tạo ra năng suất lao động cao, góp phần xoá đói giảm nghèo nhanh và bền vững.

- Phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở khu vực nông thôn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; ngành nghề mới trên cơ sở các lợi thế của huyện như: Tài nguyên thiên nhiên, khí hậu...

- Chú trọng phát triển ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như: Đan lát, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu...

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản, tạo nguồn thu phục vụ cho đầu tư phát triển du lịch.

- Rà soát các công trình thủy điện trên địa bàn, không triển khai đầu tư các công trình thủy điện mới ảnh hưởng nhiều đến diện tích rừng và đất nông nghiệp. Tập trung hoàn thành và đưa vào vận hành công trình thủy điện Thượng Kon Tum, công suất 2x110MW; thủy điện Đắk ĐRING, thủy điện Đắk Lô...

2. Thương mại dịch vụ

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng thương mại dịch vụ đạt 29,5%/năm giai đoạn 2011-2015 và 28%/năm giai đoạn 2016-2020.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển ngành thương mại, dịch vụ, du lịch trên cơ sở phát huy và khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của huyện, làm đòn bẩy thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất. Phân đầu đến năm 2020, du lịch sinh thái Măng Đen trở thành sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Tăng cường đẩy mạnh các hoạt động thương mại giữa các vùng trong và ngoài huyện; tìm kiếm và mở rộng thị trường.

- Đầu tư và khai thác các điểm du lịch đã được quy hoạch, đồng thời kết nối với các vùng nhằm hình thành tuyến du lịch giữa huyện với những điểm du lịch trong và ngoài tỉnh.

- Phát triển du lịch gắn liền với việc phát triển các sản phẩm là thế mạnh của huyện như: Rau hoa xứ lạnh, cá Hồi, cá Tầm, cá Niêng, hàng thổ cẩm...

- Đẩy mạnh thu hút và huy động các nguồn lực nhằm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cơ sở hạ tầng đến các điểm du lịch văn hóa, lịch sử, danh lam thắng cảnh, khu du lịch sinh thái Măng Đen. Giai đoạn sau năm 2015, tiếp tục thu hút đầu tư các khu vui chơi, giải trí, resort, cáp treo,...

- Phân đầu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đến năm 2015 đạt 90 tỷ đồng và trên 300 tỷ đồng vào năm 2020.

3. Nông lâm thủy sản

- Phát triển ngành nông, lâm, thủy sản với nhịp độ tăng trưởng bình quân trong 02 giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 lần lượt đạt 13% và 10% .

- Đa dạng hoá các loại cây trồng, vật nuôi gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và hướng phát triển bền vững của tỉnh, của vùng.

- Tiếp tục mở rộng diện tích trên các vùng đất trống, đồi trọc có khả năng sản xuất nông - lâm kết hợp.

- Phát triển mạnh rau, hoa và cây xứ lạnh ở các xã Măng Cành và Đăk Long; phấn đấu đến năm 2015, diện tích canh tác đạt 500 ha, trong đó diện tích trồng hoa đạt 100 ha; đến năm 2020, diện tích canh tác đạt 1.500 ha, trong đó diện tích trồng hoa đạt 380 ha. Thực hiện nuôi cấy mô các loại nấm, rau hoa xứ lạnh cung cấp cho khu vực và cả nước.

- Tiếp tục gia tăng đàn trâu, bò lai, dê và heo ở tất cả các xã; trong đó, tập trung cho đàn bò lai ở tiểu vùng Đăk Nền, Đăk Ring và Ngọc Tem.

- Nhanh chóng tăng quy mô diện tích mặt nước thả nuôi cũng như sản lượng cá Hồi, cá Tầm và những loại thủy đặc sản có giá trị kinh tế cao. Phấn đấu đến năm 2015, đưa diện tích thả nuôi đạt 13 ha với sản lượng khoảng 500 tấn; đến năm 2020, diện tích thả nuôi khoảng 25 ha, sản lượng khoảng 1.000 tấn. Kon Plong trở thành nơi cung cấp cá giống và cá thịt cho cả nước.

4. Hệ thống kết cấu hạ tầng

- Chủ động phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện tốt Quy hoạch xây dựng vùng du lịch sinh thái Quốc gia Măng Đen đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; lập, điều chỉnh và triển khai thực hiện tốt quy hoạch phân khu, các quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung đô thị Kon Plông tỉnh KonTum đến năm 2030 theo quy định, đảm bảo đồng bộ, tạo cơ sở kết nối vùng kinh tế động lực huyện Kon Plông với các vùng kinh tế động lực còn lại của tỉnh.

- Tập trung huy động nguồn lực để đẩy mạnh đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện, từng bước hình thành thị trấn trung tâm huyện lỵ, thị tứ và các trung tâm cụm xã; chủ động phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh triển khai đầu tư các tuyến Quốc lộ, tỉnh lộ, các tuyến đường liên thôn, liên xã trên địa bàn huyện nhằm đảm bảo giao thông thuận tiện giữa các xã trong mùa mưa.

- Thu hút các nguồn xã hội hóa đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại, hạ tầng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; thúc đẩy các hoạt động thương mại, dịch vụ.

- Đầu tư hệ thống bur chính viễn thông; xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi đã có, đảm bảo nước tưới tiêu cho hai mùa.

4.1. Mạng lưới giao thông

Phối hợp, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ các công trình như Quốc lộ 24, đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông, đường Đông Trường Sơn,... Xây dựng, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 676 từ Quốc lộ 24 đến Trung tâm xã Đăk Nền, làm cơ sở định hướng nâng cấp tỉnh lộ 676 thành Quốc lộ nối Trung tâm huyện Kon Plông với các huyện Sơn Tây tỉnh Quảng Ngãi và huyện Nam Trà My tỉnh Quảng Nam. Xây dựng, nâng cấp các tuyến huyện lộ. Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các tuyến đường vào trung tâm xã, các tuyến đường liên xã với quy mô cấp V hoặc cấp VI miền núi; đường giao thông liên thôn đạt loại A, B.

4.2. Mạng lưới cấp điện

Tiếp tục mở rộng mạng lưới điện hiện có, nâng cấp lưới điện thị trấn và chú trọng đầu tư cho các thôn, làng chưa có điện. Tập trung xây dựng mới hệ thống lưới điện tại các xã Đăk Long, Măng Bút, Đăk Nền, Đăk Rinh và xã Hiếu. Phấn đấu đến năm 2015 và 2020, số hộ được sử dụng điện lần lượt đạt 95% và 100%.

4.3. Thủy lợi, cấp nước

Tập trung đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương; xây dựng và phát huy các công trình thủy lợi nhỏ. Sửa chữa, nâng cấp các công trình đập cạn, đập bồi. Đầu tư các công trình thủy lợi nhỏ theo dự án 132, 134: Thủy lợi Tu Rét (35 ha), thủy lợi Đăk Lo (20 ha) và các công trình thủy lợi mới.

Nâng công suất trạm xử lý nước hiện có tại khu vực đô thị Kon Plông; xây dựng trạm xử lý nước tại trung tâm xã Hiếu, xã Đăk Tăng. Đầu tư hệ thống nước tự chảy quy mô nhỏ đến tất cả các thôn cùng với nguồn nước suối và giếng bơm; khuyến khích xây dựng các bể chứa nước mưa. Phấn đấu nâng tỷ lệ hộ dân được dùng nước hợp vệ sinh lên 95% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020.

4.4. Bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình

Phát triển ngành bưu chính theo hướng cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa mạng lưới phục vụ đến gần hơn với khách hàng. Mở rộng phạm vi phủ sóng đến từng xã, cung cấp dịch vụ điện thoại và Internet dưới hình thức trợ giá. Phấn đấu đến năm 2020, các thôn trên địa bàn huyện được phủ sóng điện thoại hữu tuyến và Internet. Tiếp tục nâng cấp, mở rộng diện phủ sóng phát thanh, truyền hình.

5. Phát triển các lĩnh vực xã hội và khoa học công nghệ

5.1. Dự báo dân số và nguồn lao động

- Tỷ lệ tăng dân số của huyện bình quân giai đoạn 2011-2015 khoảng 4,2% và giai đoạn 2016-2020 khoảng 3,8%; quy mô dân số huyện Kon Plông đến năm 2015 khoảng 26,5 nghìn người và năm 2020 khoảng 32 nghìn người.

- Dân số trong tuổi lao động đạt 15,1 nghìn người năm 2015 và trên 21,5 nghìn người vào năm 2020. Đến năm 2015, lao động nông nghiệp chiếm 70% tổng số lao động và giảm xuống còn khoảng 50% vào năm 2020.

- Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải

quyết việc làm; đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng và số lượng lao động nông nghiệp, tăng cả số lượng và tỷ trọng lao động phi nông nghiệp.

- Có giải pháp thu hút dân cư có chọn lọc từ các địa phương khác đến định cư, sinh sống lâu dài tại địa bàn nhằm tăng quy mô dân số của địa phương.

5.2. Giáo dục - đào tạo:

- Tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo theo hướng mở rộng quy mô các bậc học đi đôi với nâng cao chất lượng. Duy trì kết quả phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập Trung học cơ sở.

- Nâng cao chất lượng dạy và học đối với học sinh dân tộc thiểu số; có biện pháp khắc phục tình trạng học sinh bỏ học; quan tâm đến các chế độ, chính sách đối với học sinh, đặc biệt là chế độ bán trú.

- Tăng cường công tác đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến làm việc trên địa bàn.

- Từng bước xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng cho giáo dục. Tăng thêm số lượng phòng học đủ để thực hiện dạy 2 buổi/ngày đối với các lớp bậc tiểu học và trung học cơ sở. Xóa các phòng học tạm tranh, tre. Phần đầu đạt 95% số phòng học được xây dựng kiên cố, bán kiên cố trước năm 2015 và 100% vào năm 2020.

- Nâng cấp trung tâm dạy nghề, phát triển các ngành nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu của xã hội, coi trọng lao động kỹ thuật, gắn đào tạo với sử dụng, ưu tiên đào tạo cán bộ tại chỗ, cán bộ là đồng bào dân tộc.

5.3. Y tế và kế hoạch hoá gia đình:

- Đẩy mạnh phát triển đồng bộ hệ thống y tế, đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc và khám chữa bệnh ban đầu của nhân dân. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở, đảm bảo cho mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế với chất lượng ngày càng cao.

- Nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện đạt quy mô 80 giường; phòng khám đa khoa khu vực xã Đăk Rinh đạt quy mô 15 giường vào năm 2020. Xây dựng mới trạm y tế thị trấn với quy mô 5 giường; nâng cấp các trạm y tế theo chuẩn quốc gia. Đến năm 2015, có 5 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020 và đạt 100% vào năm 2020.

- Đẩy mạnh công tác kế hoạch hóa, gia đình. Thực hiện giảm sinh một cách bền vững, xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ đảng viên vi phạm chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình.

5.4. Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao:

- Tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức của cán bộ đảng viên và nhân dân về văn hóa, xem văn hóa là mục tiêu và động lực của phát triển, là nền tảng tinh thần xã hội.

- Có kế hoạch tôn tạo, bảo tồn các chiến tích chiến tranh, các di tích lịch

sử - văn hóa đi đôi với sưu tầm, khai thác, phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc. Phần đầu đến năm 2015, 100% số xã có nhà văn hóa - trung tâm sinh hoạt cộng đồng, 100% số thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 75% thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa. Nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin tuyên truyền.

- Phần đầu đến năm 2015, có 20%-25%; năm 2020 có 30%-35% dân số trong huyện tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

5.5. Khoa học và công nghệ:

Thu hút các nhà khoa học và đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao; đẩy mạnh phát triển và ứng dụng ứng dụng tiến bộ hoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh, chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao; chuyên gia công nghệ bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản và trồng rau, hoa xứ lạnh; đăng ký bảo hộ độc quyền cho một số sản phẩm như: Rau hoa xứ lạnh, chuối rừng Măng Đen, dược thảo Kim Cương...

6. Bảo vệ môi trường

- Giữ vững và củng cố môi trường cảnh quan của các vùng sinh thái, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn các quy định, chính sách bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường bền vững.

- Đến năm 2015: Phần đầu số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%, số hộ sử dụng nhà xí hợp vệ sinh đạt 30%, số hộ sử dụng chuồng trại có mái che cho gia súc gia cầm đạt 85%.

- Đến năm 2020: Phần đầu 100% xã, thị trấn có quy hoạch chôn lấp, xử lý rác, chất thải đúng theo quy hoạch; 40% số hộ gia đình sử dụng nhà xí hợp vệ sinh; 100% số hộ gia đình sử dụng chuồng trại có mái che cho đàn gia súc, gia cầm; 100% số hộ gia đình, cá nhân sử dụng phân chuồng, hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học trong sản xuất nông nghiệp.

Xây dựng khu xử lý chất thải rắn ở thôn Kon Ke xã Đăk Long với quy mô 2 ha, phục vụ xử lý chất thải rắn cho toàn vùng. Xây dựng bãi chôn lấp chung hợp vệ sinh với quy mô khoảng 0,6-1 ha cho các xã gần nhau.

7. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh

- Gắn liền việc phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh. Từng bước xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững mạnh. Xây dựng vững chắc thể trận lòng dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân.

- Thường xuyên bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình, địa bàn và tư tưởng của nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và giải quyết dứt điểm các tình huống phức tạp phát sinh ở cơ sở, nhất là các vấn đề liên quan đến hoạt động tôn giáo và quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nhân dân trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, ngăn chặn tình trạng khai thác lâm

sản, khoáng sản trái pháp luật.

- Cùng cố nâng cao nhận thức của nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc trong tình hình mới; tuyên truyền giáo dục nhân dân có nhận thức đúng về âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của thế lực thù địch nhất là lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo, vấn đề dân chủ, nhân quyền để chống phá cách mạng giai đoạn hiện nay.

- Tuyên truyền để mọi người dân luôn nêu cao tinh thần cảnh giác; không tin, không nghe, không làm theo lời kẻ xấu lừa phỉnh, xúi giục, kích động. Đồng thời, phát hiện và báo cáo cho chính quyền những hiện tượng, hoạt động và nghi vấn an ninh, trật tự nơi cư trú nhằm có biện pháp ngăn ngừa kịp thời.

- Thường xuyên xây dựng các tổ chức an ninh nhân dân, lực lượng dân quân tự vệ; tổ chức huấn luyện, tập huấn nhằm nâng cao năng lực và sức chiến đấu ứng phó kịp thời khi có bạo loạn và tình hình an ninh bất ổn xảy ra trên địa bàn.

- Giữ vững 100% xã vững mạnh về quốc phòng - an ninh; phấn đấu đến năm 2015, có 2 xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh toàn diện về quốc phòng - an ninh.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở thật sự trong sạch, vững mạnh. Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực, có ý thức trách nhiệm cao, tâm huyết với công việc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tập trung đào tạo bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị có đủ năng lực lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ được giao. Chú trọng việc sử dụng cán bộ trong công tác dân tộc, tôn giáo.

V. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN THEO LÃNH THỔ

1. Phát triển các điểm đô thị

- Giai đoạn 2016 - 2020, từng bước hình thành Khu du lịch sinh thái Măng Đen với quy mô dân số khoảng 30 - 35 nghìn người; xây dựng đô thị Kon Plông thành đô thị loại V, quy mô dân số khoảng 10 nghìn người.

- Giai đoạn 2021 - 2025, xây dựng Khu đô thị sinh thái Măng Đen thành đô thị loại IV, quy mô dân số khoảng 38.000 người; trong đó, đô thị Kon Plông quy mô dân số khoảng 15 nghìn người.

- Xây dựng và phát triển thị trấn huyện lỵ Kon Plông thành trung tâm hành chính, đào tạo, văn hóa giáo dục, y tế, thể thao của huyện Kon Plông và là đô thị động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế phía Đông Bắc tỉnh Kon Tum, phục vụ du lịch, nghỉ dưỡng; trở thành trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ phát triển sinh thái; là đầu mối giao thông liên vùng quan trọng, tạo điều kiện phát triển, giao lưu kinh tế - xã hội, gắn liền vùng Tây Nguyên với Đông Nam bộ và Duyên hải miền Trung.

2. Phương hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn

Hình thành 06 trung tâm xã (*Măng Cành, Pờ Ê, Ngọc Tem, Măng Bút, Đăk Nền, Đăk Rìng*). Các điểm trung tâm xã (*Quy mô tối thiểu từ 15 đến 50 hộ/điểm - cụm*) được đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội đảm bảo thuận lợi cho cư dân sinh sống và nhu cầu phục vụ khách du lịch. Đối với các đồng bào dân tộc huyện Kon Plông, việc xây dựng thôn làng được giữ gìn theo truyền thống mỗi dân tộc.

3. Định hướng chia tách xã

Trong giai đoạn 2011-2015, thực hiện điều chỉnh địa giới hành chính và chia tách xã Đăk Long, xã Ngọc Tem và xã Măng Bút để thành lập thị trấn Măng Đen và các xã mới.

Sau khi chia tách, thực hiện việc quy hoạch chi tiết khu trung tâm các xã mới ở vị trí thích hợp, có điều kiện để phát triển với chức năng là trung tâm kinh tế, văn hoá - xã hội của xã. Diện tích quy hoạch trung tâm mỗi xã khoảng 15-20 ha.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các biện pháp huy động về vốn đầu tư

Dự báo nhu cầu vốn đầu tư của huyện Kon Plông giai đoạn 2011- 2020 khoảng 24-25 nghìn tỷ đồng; trong đó, giai đoạn 2011-2015 khoảng 13-13,5 nghìn tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 khoảng 11-11,5 nghìn tỷ đồng.

Một số giải pháp huy động vốn đầu tư:

- Tăng cường thu hút đầu tư, nhất là thu hút đầu tư các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng chất lượng cao mang bản sắc đặc trưng của Măng Đen, gắn với giải quyết việc làm cho nhân dân tại chỗ. Phối hợp với các cấp, các ngành và chủ đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đang được đầu tư trên địa bàn huyện, như: Dự án rau hoa xứ lạnh; dự án trồng cây keo lai; dự án tái định canh, định cư thủy điện Thượng Kon Tum, Đăk Đrinh; chương trình xây dựng nông thôn mới...

- Khai thác có hiệu quả nguồn vốn từ quỹ đất để tập trung đầu tư cho các công trình, dự án phát triển cơ sở hạ tầng, khu đô thị, khu dân cư và khu du lịch.

- Thu hút vốn ODA để đầu tư một số công trình, dự án lớn.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kinh tế theo hình thức BOT, BT, PPP...

- Tích cực tranh thủ vốn hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương để đầu tư một số công trình quan trọng về hạ tầng giao thông, hệ thống công sở, hạ tầng bưu chính viễn thông, nâng cấp cải tạo các di tích...

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu ngân sách, tiết kiệm chi để tăng dần tỷ lệ ngân sách đầu tư cho kiến thiết, chỉnh trang đô thị.

- Kết hợp nguồn vốn ngân sách với nguồn xã hội hóa để triển khai thực hiện các đề án, chương trình xây dựng, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn, trường học, điểm vui chơi, trung tâm văn hóa thể thao xã, nhà văn hóa thôn, khu dân cư.

- Nâng cao nhận thức, nhất quán trong cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để tạo niềm tin và sự an tâm cho nhà đầu tư.

2. Phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức và người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn về vai trò của đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong thời kỳ mới.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ gắn với giải quyết việc làm, như: Đào tạo nghề mộc dân dụng, nề dân dụng, chăn nuôi, trồng trọt; trong đó, tập trung vào các ngành nghề phục vụ cho phát triển du lịch, như: Mây tre đan, thủ công mỹ nghệ từ gỗ, dệt thổ cẩm.

- Phối hợp chặt chẽ với các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề của tỉnh để mở các khóa đào tạo tại chỗ cho lao động của huyện.

- Có chính sách thu hút, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, khoa học - kỹ thuật, các nhà doanh nghiệp trên địa bàn.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

Thường xuyên giữ mối liên kết chặt chẽ giữa huyện với các cơ quan khoa học của tỉnh và Trung ương trong việc chuyển giao, ứng dụng những thành tựu tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mà huyện không có điều kiện thực hiện. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất kinh doanh, đặc biệt là trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi cho năng suất cao; trong kỹ thuật canh tác, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản và trồng rau, hoa xứ lạnh. Cùng cố và mở rộng mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm đến tận xã, thôn. Thực hiện có hiệu quả các chương trình khuyến nông, khuyến lâm cho khu vực nông thôn.

Có các biện pháp quản lý, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở xử lý chất thải rắn, lỏng, khí trước khi thải ra môi trường. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến pháp luật bảo vệ rừng. Chú trọng công tác quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng một cách toàn diện, ổn định và bền vững, nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường sinh thái, khai thác hợp lý tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp.

4. Giải pháp về cơ chế chính sách

- *Chính sách về đất đai:* Khuyến khích các nhà đầu tư xin giao đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm phát triển quỹ đất, xây nhà ở để bán hoặc cho thuê theo quy định hiện hành của pháp luật. Có chính sách cho thuê đất với giá ưu đãi để kêu gọi nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư tại địa bàn huyện.

- *Chính sách hỗ trợ đầu tư:* Tích cực đầu tư kết cấu hạ tầng, đồng thời

đảm bảo các dịch vụ công chất lượng cao như điện, nước, bệnh viện, trường học, ngân hàng, hệ thống thông tin, cơ sở hạ tầng đường giao thông,...đặc biệt là nâng cấp tuyến Quốc lộ 24. Nhà đầu tư sử dụng cơ sở hạ tầng khu du lịch Măng Đen không phải trả tiền trong suốt thời gian thực hiện dự án đầu tư. Tất cả các dự án đầu tư vào Khu đô thị du lịch sinh thái nghỉ dưỡng quốc gia Măng Đen được hưởng các ưu đãi tối đa theo các quy định của Luật Đầu tư.

- *Chính sách ưu đãi về thuế:* Chính sách về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân được miễn giảm ở mức thấp nhất theo quy định hiện hành (được áp dụng tại địa bàn đặc biệt khó khăn và dự án thuộc diện ưu đãi đầu tư).

- *Thực hiện tốt các chính sách đặc thù khác* như các chính sách hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm và tăng thu nhập; chính sách đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí, đời sống tinh thần; chính sách hỗ trợ cán bộ đối với các huyện nghèo; các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công.

- *Triển khai có hiệu quả các chính sách dân tộc* của Đảng và Nhà nước trên địa bàn về hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho đồng bào Dân tộc thiểu số nghèo, đặc biệt là chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn huyện theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.

5. Hợp tác phát triển giữa các huyện trong tỉnh, vùng

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án chi tiết phát triển ngành, lĩnh vực của huyện; bảo đảm phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của huyện nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở huy động tối đa các nguồn lực tổng hợp của huyện và các nguồn ngoại lực.

- Có kế hoạch hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong huyện với các doanh nghiệp, khách sạn, nhà hàng, đặc biệt trong các khu du lịch có quy mô lớn, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, các đô thị, khu cụm công nghiệp.

- Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành chức năng trong tỉnh để nắm bắt thông tin về thu hút, triển khai các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài trên địa bàn huyện; chủ động đề xuất các chương trình, dự án phát triển sản xuất, giải phóng mặt bằng, tổ chức tái định cư, vấn đề an sinh xã hội.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại, mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Từng bước mở rộng quan hệ, hợp tác liên kết với các nước trong khu vực như: Lào, Campuchia, Thái Lan và các nước khác trên thế giới nhằm mở rộng thị trường xuất - nhập khẩu, thu hút tiềm lực nguồn vốn nước ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch

Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kon Plông đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 cho cấp ủy Đảng, chính quyền; các ngành, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, trong

huyện.

Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của huyện; các chương trình, dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư.

2. Xây dựng chương trình hành động

- Sau khi Quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trên cơ sở các mục tiêu của quy hoạch, huyện Kon Plông xây dựng chương trình hành động để thực hiện quy hoạch.

- Cụ thể hoá các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn để thực hiện Quy hoạch có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng thời kỳ.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kon Plông đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan, các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Kon Plông.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong Quy hoạch được phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và ngắn hạn; các chương trình, dự án cụ thể để tập trung thu hút đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

2. Nghiên cứu xây dựng, ban hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (*nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền*) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông trong quá trình thực hiện quy hoạch; nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành một số chủ trương, cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Kon Plông trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch;

2. Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các Quy

hoạch; xem xét, hỗ trợ huyện Kon Plông trong việc bố trí và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch; tổ chức triển khai các chương trình, dự án do sở, ngành quản lý thực hiện trên địa bàn huyện đảm bảo hiệu quả và tiến độ quy định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành; đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND huyện Kon Plông;
- Lưu VT, KTTH2



Nguyễn Văn Hùng

PHỤ LỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 9/10/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

1. Lĩnh vực giao thông:

1.1. Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường huyện lộ, tỉnh lộ, quốc lộ:

- ĐH1 (Km9 TL676 - Km 10 đường Ngọc Tem): 90 tỷ đồng.
- ĐH2 (Km 105 QL24 - Kon Sủ - Km10 Đường Ngọc Tem): 70 tỷ đồng.
- ĐH3 (Trung tâm xã Ngọc Tem đi Rơ Manh): 61 tỷ đồng.
- ĐH3 (Đăk Rơ manh - Đăk Ring): 157 tỷ đồng.
- Tu Rằng - Km18, TL676 (C. 5MN): 135 tỷ đồng.
- Đầu tư hạ tầng kinh tế khu trung tâm huyện.
- Đầu tư nâng cấp quốc lộ 24 (bao gồm cả trục đường tránh).
- Dự án đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông.

1.2. Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường liên xã + liên thôn tại 9 xã:

- Các tuyến đường xã Đăk Long: 48 tỷ đồng.
- Các tuyến đường xã Măng Cành: 24 tỷ đồng.
- Các tuyến đường xã Hiếu: 55 tỷ đồng.
- Các tuyến đường xã Pờ Ê: 62 tỷ đồng.
- Các tuyến đường xã Đăk Tăng: 80 tỷ đồng.
- Các tuyến đường xã Măng Bút: 64 tỷ đồng.
- Các tuyến đường xã Đăk Ring: 35 tỷ đồng.
- Các tuyến đường xã Đăk Nên: 75 tỷ đồng.
- Các tuyến đường xã Ngọc Tem: 36 tỷ đồng.
- Các tuyến đường xã Đăk Rơ Manh: 45 tỷ đồng.
- Các tuyến đường Xã Măng Bút 2: 50 tỷ đồng.

2. Lĩnh vực thủy lợi:

- Xây dựng mới công trình thủy lợi Đăk Giắc, Tu Nông, Đăk lanh, Măng Bút 1, Măng Bút 2, Đăk Liêng, Ko Chát tại xã Măng Bút: 20 tỷ đồng.
- Xây dựng mới công trình thủy lợi Nước Mang, Đăk Sao, Đăk Chờ, Đăk Cho, Ngọc Chè tại xã Đăk Ring: 11 tỷ đồng.
- Xây dựng mới công trình thủy lợi Nam Vo 1, Nam Vo 2, Tu Rết tại xã Đăk Nên: 10 tỷ đồng.
- Xây dựng mới công trình thủy lợi Đăk Khe, Nước Ngõ, Nước Kha, Kon



Chênh tại xã Măng Cành: 16 tỷ đồng.

- Xây dựng mới công trình thủy lợi Kon Sùh, Đăk Leng 2, Kon Chốt, Kon Rẫy 1, Hồ chứa (*trời rau + hoa*) tại xã Đăk Long: 18,2 tỷ đồng.

- Nâng cấp công trình thủy lợi Đăk Lang, Kon Ko Lung tại xã Hiếu: 1,6 tỷ đồng.

- Xây dựng mới công trình thủy lợi Đăk La, Đăk Răm 1,2, Đăk Rơ Ne, Đăk Tua, Đăk Long, Đăk Đét, Đăk Pri, Đăk KVăng, Đăk Liêu tại xã Hiếu: 14,2 tỷ đồng.

- Xây dựng mới công trình thủy lợi Vi Xây 1,2; Rô Xia 1,2,3; Vi Rơ Ngheo; Đăk Sa 1,2; Đăk Pờ Rồ; thôn Măng Mốc: 8,75 tỷ đồng.

- Xây dựng mới công trình thủy lợi Vi Ko Lâng, Đăk Ui 2, Vi Ko Tàu, Đăk Rét, Vi Ko Oa, Vi Pờ Ê, Nước Mơ Ru, Nước Rong, Nước Nông tại xã Pờ Ê: 15,7 tỷ đồng.

- Xây dựng mới công trình thủy lợi Đăk Lò, Măng Kri tại xã Ngọc Tem: 9 tỷ đồng.

3. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Đầu tư làng nghề dệt thổ cẩm;

- Đầu tư làng nghề thủ công mỹ nghệ.

4. Du lịch

- Đường vào điểm du lịch văn hóa Tu Răng: 20 tỷ.

- Các tuyến đường vào các điểm du lịch khác: 30 tỷ.

- Dự án du lịch sinh thái hồ Đăk Ke.

- Dự án khu du lịch sinh thái hồ Đăk Pô Nê.

- Dự án cáp treo: 20 tỷ.

- Đầu tư 3 cụm điểm vui chơi giải trí.

- Đầu tư tôn tạo làng văn hóa các dân tộc Konplông gắn với du lịch.

- Dự án xây dựng Trung tâm huấn luyện vận động viên Quốc gia.

- Dự án xây dựng khu chăm sóc sức khỏe người già và người có công với Cách mạng.

- Các điểm du lịch tín ngưỡng.

- Các dự án nghỉ dưỡng cao cấp.

- Dự án Sân Golf (*sau khi Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo về rà soát các khu trên toàn quốc*).

5. Lĩnh vực điện sinh hoạt nông thôn và điện công nghiệp

- Dự án cải tạo lưới điện cho đô thị Kon Plông.



- Xây dựng mới lưới điện thôn KonPling, thôn VichRing2, thôn Kon Piêng tại xã Hiếu: 7 tỷ đồng;

- Xây dựng mới lưới điện thôn Kíp La, thôn Đăk Ang, thôn Đăk Lâng tại xã Đăk Ring: 7,8 tỷ đồng;

- Xây dựng mới lưới điện thôn Đăk Lai, thôn Tu Ngú tại xã Đăk Nên: 1 tỷ đồng;

- Xây dựng mới lưới điện thôn Kon Vong Ke 2, thôn Kon Xủ, khu Tây thôn Măng Đen, khu Bắc thôn Măng Đen, đường số 7 thôn Măng Đen tại xã Đăk Long: 12,7 tỷ đồng

- Xây dựng mới lưới điện thôn Ko Chắt, thôn Đăk Giác: 1,6 tỷ đồng.

6. Lĩnh vực nông lâm nghiệp

- Xây dựng Trung tâm khuyến nông - lâm - ngư xã Đăk Long;

- Dự án định canh định cư xã Măng Bút, Đăk Ring, Đăk Nên, Ngọc Tem;

- Xây dựng vùng chuyên canh tập trung xã Ngọc Tem và xã Đăk Nên;

- Đầu tư xây dựng nông thôn mới theo Quyết định 491/QĐ-TTg;

- Đầu tư cơ sở hạ tầng cho dự án rau hoa xứ lạnh.

- Thu hút các dự án trồng rau hoa xứ lạnh.

7. Lĩnh vực cấp nước sinh hoạt và bảo vệ môi trường

- Xây dựng hệ thống công trình thu gom, xử lý rác thải và xử lý rác y tế tại Trung tâm huyện.

- Đầu tư hoàn chỉnh dự án nước sinh hoạt đô thị Kon Plông

8. Lĩnh vực văn hóa thông tin - Phát thanh truyền hình

- Nâng cấp và cung cấp trang thiết bị các đài Trạm phát lại truyền thanh - truyền hình tại Trung tâm huyện, xã Ngọc Tem, xã Hiếu, xã Đăk Tăng, xã Đăk Nên.

- Làm mới các đài Trạm phát lại truyền thanh - truyền hình tại các xã Đăk Long, Măng Cành, Măng Bút, Đăk Ring, Pờ Ê, và các xã dự kiến chia tách.

- Xây dựng sân vận động, Nhà văn hóa đa chức năng, Thư viện huyện Kon Plông.

- Quy hoạch và xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở theo tiêu chí nông thôn mới.

- Xây dựng mới Trung tâm Hội nghị cấp khu vực tại Măng Đen.

9. Lĩnh vực giáo dục - đào tạo:

- Xây dựng Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện, trường PPTH huyện, trường THCS huyện, Trung tâm HTCD huyện tại trung tâm huyện lỵ: 18,534 tỷ đồng.



- Xây dựng mới Trường cụm THPT tại xã Đak Tăng..
- Xây dựng các trường THCS, Trung tâm HTCD tại trung tâm các xã (*bao gồm cả các xã dự kiến chia tách*).
- Xây dựng và đầu tư trang thiết bị dạy học các trường tiểu học, trường mầm non tại các xã (*bao gồm cả các xã dự kiến chia tách*).
- Xây dựng nhà ở giáo viên trường nội trú tại xã Đăk Long

10. Lĩnh vực Y tế

- Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện: 11 tỷ đồng;
- Nâng cấp phòng khám khu vực xã Đăk Ring, và các trạm y tế tại các xã còn lại;
- Xây dựng mới phòng khám khu vực tại xã Hiếu và xã Đăk Tăng: 17 tỷ đồng;
- Xây dựng mới các trạm y tế tại Thị trấn và các xã dự kiến chia tách: 6 tỷ đồng.

11. Xây dựng hạ tầng:

- Trung tâm thương mại tại Măng Đen.
- Xây dựng bến xe Trung tâm huyện tại xã Đăk Long.
- Đầu tư hoàn chỉnh trụ sở làm việc các Phòng, ban, ngành cấp huyện và trụ sở làm việc các xã chưa có trụ sở.
- Xây dựng bưu điện, chợ trung tâm, nhà văn hóa, trạm khuyến nông tại Thị trấn và các xã dự kiến chia tách.
- Đầu tư CSHT và quy hoạch các cụm dân cư tại các xã còn lại.

** Ghi chú: Về vị trí, quy mô cụ thể, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ./*
